

Nail 3P 2/6

1P

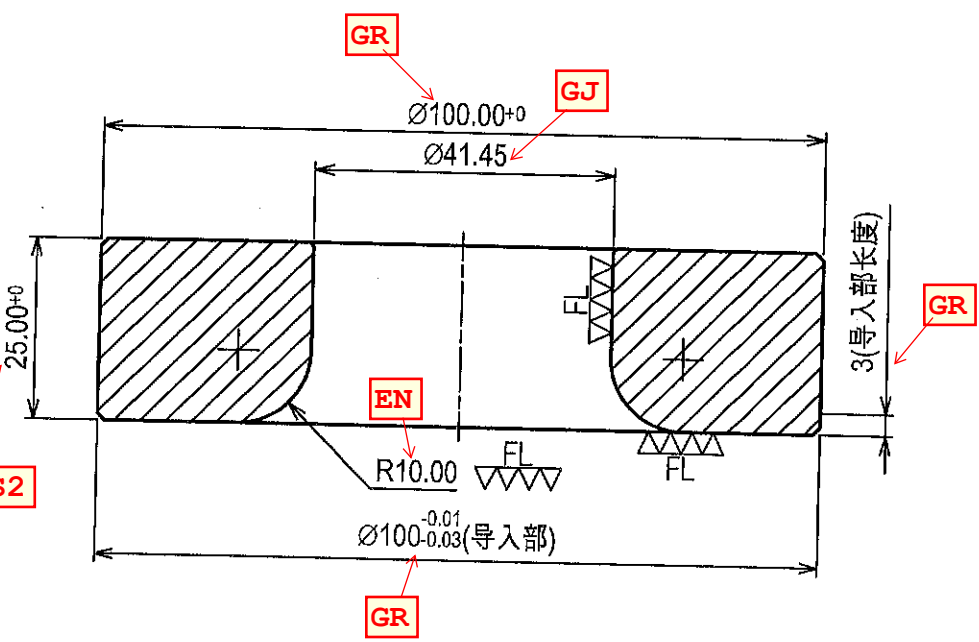
N232X0057

213-301740A

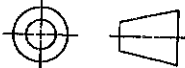
REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.	2016/09/09	新規设计		Chen_Die_Sun	Ye_Cheng_Jing	0.0000	± 0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△						0.000	± 0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△						0.00	± 0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△						0.0	± 0.1	0.00 -0	+0.01 -0
						0.	± 0.2	0.0 +0	+0 -0.1
								0.0 -0	+0.1 -0
TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED									
FINISH MARKS									
G FL ▽▽▽ (▽▽▽)									

Đai PTF

GS1 (lượt sáng) - GS2



S CHUẨN

DSGND.	CHKD.	TITLE		PARTS NAME
Chen_Die_Sun	Ye_Chang_Jing	部品図		絞りダイ
QUENCH&TEMPER	SURFACE	PART DRAWING		DRAW DIE
HRC 0 ° ~ 0 °		部品図		引伸下模
		部品図		引伸下模
MATERIAL	DATE	SCALE		DWG.No.
WC(D30/HIP)	2016/09/09	1:1		R063055

BTP R063055 (Re 1P 7/15)

SNO: **R063055**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP R063055	GS1:40 GR:200 GJ:200 EN:400 KA:1 GS2:90 AF:40 KT